

Đầu tư vào vốn và cơ sở hạ tầng tự nhiên - Mô hình phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tại vùng ĐBSCL

TS Nguyễn Văn Tài

Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Vốn tự nhiên và cơ sở hạ tầng tự nhiên gồm đất, nước, các hệ sinh thái tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của khu vực này. Tuy nhiên, ĐBSCL hiện đang phải đối mặt với những thách thức mang tính sống còn do mô hình phát triển trước đây không còn phù hợp, chính sách quy hoạch, phân vùng, quản lý thiếu gắn kết, đồng bộ, tổng thể trước xu thế không thể đảo ngược của biến đổi khí hậu. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của ĐBSCL nói riêng và của cả nước nói chung. Vì vậy, để chuyển đổi mô hình phát triển dựa vào nguồn vốn tự nhiên một cách bền vững, cần thiết phải xây dựng chiến lược phục hồi và sử dụng bền vững nguồn vốn tự nhiên tại ĐBSCL dựa trên các phương pháp tiếp cận hệ sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Vốn và cơ sở hạ tầng tự nhiên ở ĐBSCL

Nguồn vốn là một khái niệm trong kinh tế học, đề cập đến của cải vật chất hay tài chính có thể sử dụng để tạo ra thu nhập, hàng hóa hay các dịch vụ. “Nguồn vốn tự nhiên” là một khái niệm được mở rộng để miêu tả các cấu phần của môi trường tự nhiên có thể tạo ra thu nhập, hàng hóa và các dịch vụ.

Vốn tự nhiên bao gồm sinh vật (động vật và thực vật) và các cấu phần vật chất của tự nhiên, như nước và khoáng sản. Nguồn vốn tự nhiên luôn là nền tảng để con người phát triển kinh tế, xã hội và mang lại sự thịnh vượng. Trong đó, những nguồn lực tự nhiên như nguồn nước, lương thực, năng

lượng là những trụ cột để phát triển kinh tế nhưng vẫn chưa được đánh giá đúng mức trong tài khoản quốc gia.

ĐBSCL với địa hình trũng, là hạ lưu của sông Mê Kông, cùng với hệ thống sông ngòi chằng chịt... được đánh giá là vùng trũng nước ngọt lớn nhất cả nước. Thế nhưng, trên thực tế, tình trạng suy kiệt nguồn nước trong hệ thống sông, hạ lưu các hồ chứa và nước ngầm ở vùng ĐBSCL đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng.

Với diện tích khoảng 4 triệu ha, ĐBSCL có thể được xem là một vùng đất ngập nước rộng lớn với phần lớn diện tích đã được canh tác nông nghiệp. ĐBSCL cung cấp trên 50% sản lượng

lương thực, 90% lượng gạo xuất khẩu của cả nước và là nơi nuôi trồng, đánh bắt thủy sản lớn của nước ta. ĐBSCL có đa dạng sinh học cao, nhiều loài quý hiếm trong Danh mục đỏ của IUCN và Sách đỏ Việt Nam, nhiều khu bảo tồn đã được thiết lập.

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, từ năm 2011 đến 2016, rừng ngập mặn vùng ĐBSCL đã bị suy giảm nghiêm trọng, chủ yếu do vùng bãi bị sạt lở và việc giao rừng để nuôi trồng thủy, hải sản. Chỉ tính riêng trong 5 năm qua, diện tích rừng ngập mặn toàn vùng đã giảm gần 10%, từ 194.723 ha năm 2011 xuống còn 179.384 ha vào năm 2016.

■ Chính sách và quản lý

Trong quá trình phát triển kinh tế, các cơ sở hạ tầng và nguồn vốn tự nhiên như hệ sinh thái rừng ngập mặn, đồng cỏ tự nhiên, rừng tràm... của ĐBCSL đã bị phá để làm đầm nuôi trồng thủy sản như rừng ngập mặn ở các tỉnh ven biển Cà Mau, Bến Tre, Bạc Liêu. Ở các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, phần lớn diện tích đất trồng lúa, đất rừng các huyện ven biển cũng chuyển sang nuôi tôm với mô hình quảng canh cải tiến hoặc thâm canh (nuôi công nghiệp). Ở vùng nội địa, phần lớn diện tích đồng cỏ tự nhiên và rừng tràm đã được chuyển sang nông nghiệp. Đa dạng sinh học bên ngoài các khu bảo tồn gần như suy kiệt do sự mở rộng và thâm canh nông nghiệp, các sinh cảnh còn lại bên trong các khu bảo tồn chỉ mang tính bán tự nhiên.

Nguồn nước mặt ở ĐBSCL bị ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng từ nhiều nguồn. Ở những vùng đê bao khép kín canh tác ba vụ lúa mỗi năm, nước bị tù đọng, tích tụ nhiều hóa chất nông nghiệp. Các vùng nuôi thủy sản cũng thải một lượng lớn chất ô nhiễm hữu cơ và hóa chất vào nguồn nước. Sự phát triển nhanh các dự án công nghiệp, đặc biệt là các khu công nghiệp, nhà máy điện than, nhà máy giấy đã đe dọa trực tiếp đến nguồn nước ĐBSCL. Hệ thống kênh rạch ĐBSCL cũng đang phải tiếp nhận một lượng lớn chất thải sinh hoạt và chăn nuôi từ các khu dân cư. Hệ sinh thái ĐBSCL chủ yếu là hệ sinh thái đất ngập nước, vì vậy ô nhiễm nguồn nước chính là ô nhiễm “máu” của hệ sinh thái. Các loài sinh vật ngoại lai xâm hại đã ảnh hưởng mạnh đến đa dạng sinh học, nông



Bảo vệ rừng - một trong những giải pháp quan trọng cho phát triển bền vững.

nghiệp... gây ra những thiệt hại nặng nề về kinh tế và môi trường.

Do nhu cầu phát triển kinh tế, an ninh năng lượng, an ninh lương thực và sức ép dân số..., các nước ở thượng nguồn sông Mê Kông sẽ đẩy mạnh việc khai thác nguồn nước. Các đập thủy điện, công trình chuyển nước sông cho các vùng khô hạn, sự hình thành các khu công nghiệp, khu dân cư dọc theo 2 bờ sông sẽ làm tình hình thêm nghiêm trọng. Hệ quả là dòng chảy sẽ thất thường hơn, mùa khô càng ít nước và mùa lũ sẽ nặng nề hơn.

Giải pháp cho phát triển bền vững

Các áp lực lên vốn và hạ tầng tự nhiên ở vùng ĐBSCL có thể sẽ tiếp tục tăng nếu duy trì cách tiếp cận thông thường, tiếp tục gây ra mất mát vốn tự nhiên, đe dọa sự phát triển trong tương lai. Một số động lực chính đang gây áp lực gia tăng lên vốn tự nhiên ở ĐBSCL bao gồm: *Thứ nhất*, tăng trưởng kinh tế dự kiến sẽ

tiếp tục làm gia tăng nhu cầu về lương thực, năng lượng, nước và có thể đẩy nhanh sự cạn kiệt vốn tự nhiên. *Thứ hai*, các mô hình tiêu dùng trong tiểu vùng đang chuyển đổi do kết quả của phát triển xã hội cũng như dân số đô thị đang gia tăng nhanh chóng, tạo thêm áp lực về vốn tự nhiên. *Thứ ba*, biến đổi khí hậu sẽ tạo thêm áp lực lên vốn tự nhiên ở vùng ĐBSCL. Các tài nguyên nông nghiệp (bao gồm cả đất và nước) rất nhạy cảm với sự thay đổi của khí hậu. Sản lượng nông nghiệp ở tiểu vùng có thể giảm do nhiệt độ quá cao, sự xâm nhập mặn vào vùng đất trồng trọt do mực nước biển dâng cao, hạn hán và sương mù gia tăng, ảnh hưởng của gió và xói mòn đất.

Vì vậy, việc xây dựng một chiến lược phục hồi và sử dụng bền vững vốn tự nhiên ở ĐBSCL trên nền tảng áp dụng các phương pháp tiếp cận hệ sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu là phù hợp và thiết thực trong giai đoạn

hiện nay. Chiến lược này sẽ đưa ra các hoạt động ưu tiên như sau:

Điều tra, đánh giá, kiểm kê hiện trạng nguồn vốn tự nhiên: Tiến hành điều tra, đánh giá thực trạng để xây dựng dữ liệu về nguồn vốn tự nhiên khu vực; xây dựng các công trình bảo vệ tài nguyên thiên nhiên nhằm ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu; rà soát và triển khai chiến lược “an ninh lương thực” nhằm giảm việc thâm canh ba vụ lúa mỗi năm để tăng không gian trữ lũ, hạn chế xâm nhập mặn và giảm sử dụng hóa chất nông nghiệp; ưu tiên phát triển hành lang xanh dải ven biển, bao gồm cả việc trồng rừng ngập mặn nhằm ổn định và bảo vệ bờ biển trước các tác động của thời tiết cực đoan; bảo tồn và phục hồi các vùng đất ngập nước ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng đê ven biển và đập cửa sông lớn để ngăn và kiểm soát xâm nhập mặn trên cơ sở không gây xáo trộn đối với điều kiện tự nhiên và hệ sinh thái; nghiên cứu và triển khai các giải pháp phi công trình nhằm thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến sự phát triển của vùng.

Quy hoạch khai thác, sử dụng nguồn vốn tự nhiên: Các khu vực cần ưu tiên bảo vệ cơ sở hạ tầng vốn tự nhiên gồm các vùng rừng ngập mặn, các khu đất ngập nước quan trọng...; tiến hành rà soát và thống nhất các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực nhằm đảm bảo phát huy giá trị nguồn vốn tự nhiên phục vụ phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, bao gồm: Điều chỉnh quy hoạch phát triển và quy hoạch sử dụng đất của từng tỉnh phù hợp với phương án điều chỉnh

quy hoạch sử dụng đất của cả vùng ĐBSCL, đặc biệt thúc đẩy xây dựng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của vùng và các tỉnh trong vùng đảm bảo thống nhất với quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước; quy hoạch sử dụng đất theo hướng tạo hành lang đa dạng sinh học kết nối các khu bảo tồn riêng lẻ trong vùng. Đối với các tỉnh đã xây dựng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, cần thúc đẩy triển khai quy hoạch, trong đó ưu tiên thành lập và quản lý bền vững các khu bảo tồn, các hệ sinh thái có giá trị đa dạng sinh học cao; thiết lập các vùng đệm xung quanh các khu bảo tồn, quy định hạn chế sử dụng hóa chất nông nghiệp nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học và an ninh lương thực.

Xây dựng các cơ chế, chính sách cho việc đầu tư vốn tự nhiên: Có chính sách huy động các tổ chức, cá nhân thực hiện các chương trình và hoạt động nhằm bảo tồn và phát triển vốn tự nhiên, cải thiện hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tác động tiêu cực đến vốn tự nhiên; xây dựng chiến lược quản lý phù hợp để giảm thiểu các rủi ro do biến đổi khí hậu và đầu tư vốn tự nhiên; tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa chính quyền, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội dân sự và các bên liên quan để kết hợp các nguồn lực, tối đa hóa lợi thế kinh tế và xác định cơ hội đầu tư vào vốn tự nhiên; cung cấp những ưu đãi tài chính như giảm thuế, trợ cấp bảo hiểm, cho thuê đất với lãi suất ưu đãi và giảm lãi suất nhằm khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh thân thiện với vốn tự nhiên như canh tác hữu cơ, du lịch sinh thái và

vận chuyển hàng hóa xanh.

Tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về vai trò của vốn tự nhiên: Tăng cường nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò, giá trị của các dịch vụ hệ sinh thái ĐBSCL và trách nhiệm của cộng đồng, các bên liên quan trong việc bảo vệ, duy trì và phát triển dịch vụ hệ sinh thái của khu vực. Cộng đồng địa phương nên được tham gia sử dụng bền vững tài nguyên đất ngập nước, đa dạng sinh học một cách có tổ chức; hỗ trợ áp dụng các sinh kế bền vững cho cộng đồng và phát huy, bảo tồn các nguồn dược liệu, nguồn gen quý hiếm của khu vực. Nâng cao ý thức, hiểu biết của người dân và các cơ quan chức năng về ảnh hưởng của việc nuôi trồng, phát tán sinh vật ngoại lai.

Thúc đẩy hợp tác quốc tế, xây dựng các diễn đàn, đối tác về nguồn vốn tự nhiên: Tăng cường sự phối hợp giữa các sáng kiến cấp khu vực và quốc gia; các nỗ lực song phương và đa phương để đạt được các mục tiêu chính sách chung liên quan đến nguồn vốn tự nhiên; tăng cường hợp tác quốc tế với các nước trong lưu vực sông Mê Kông để có thể sử dụng hiệu quả nguồn nước và các tài nguyên cát, sỏi nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực đến khu vực ĐBSCL; đẩy mạnh hợp tác quản lý môi trường và đa dạng sinh học ĐBSCL với các quốc gia khu vực và thế giới nhằm tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý tài nguyên thiên nhiên, môi trường lưu vực sông Mê Kông ✍